

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2024

“Về việc: Hôn nhân và Gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương, bà Phan Thị Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh. Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà; Nguyễn Thị Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2023/TLST- HNGĐ, ngày 08/7/2024, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXX-ST, ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị; Trần Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh; Lê Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, Bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong đơn xin xử vắng mặt, chị Trần Thị L trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Lê Văn H, vào ngày 05/01/2010, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại xã H,

huyện T, tỉnh Nghệ An. Tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, không có gì mâu thuẫn lớn. Đến tháng 12/2023 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không có tình cảm với nhau, nên vợ chồng sống ly thân nhau, ly thân nhưng sống cùng trong nhà từ đó cho đến nay; do anh Lê Văn H làm nghề lái xe, nên đi suốt ngày không về; về được đôi tý lại đi.

Nay chị Trần Thị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên có nguyện vọng được ly hôn anh Lê Văn H.

- Về con cái: Theo chị Trần Thị L trình bày thì vợ chồng có 03 con chung với nhau tên là Lê Văn T, sinh ngày 17/10/2010; Lê Thị Thu H1, sinh ngày 08/01/2014 và Lê Văn H2, sinh ngày 26/6/2017. Ly hôn chị Trần Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con và yêu cầu anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.700.000 đồng/ 01 tháng.

- Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ý kiến đã trình bày, chị L không có thêm bất cứ yêu cầu gì nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, song anh Lê Văn H vắng mặt, cho nên không thể thực hiện được việc công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Văn H; giao 03 con chung cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng khoảng 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản không xem xét; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để công khai chứng cứ và hòa giải, song do anh Lê Văn H vắng mặt, cho nên không thể thực hiện việc hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giáy

triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, còn nguyên đơn đã có đơn xin xử vắng mặt, cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị **Trần Thị L** và anh **Lê Văn H**, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/01/2010 tại **UBND xã H, huyện T**. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại **xã H, huyện T**. Vợ chồng sống tình cảm hạnh phúc bình thường đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị **Trần Thị L** vẫn nhất quyết xin ly hôn, còn anh **Lê Văn H** vắng mặt và không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của chị **Trần Thị L**, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận cho chị **Trần Thị L** được ly hôn với anh **Lê Văn H**.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung với nhau tên là **Lê Văn T**, sinh ngày 17/10/2010; **Lê Thị Thu H1**, sinh ngày 08/01/2014 và **Lê Văn H2**, sinh ngày 26/6/2017. Cả 03 con hiện nay đang do chị **Trần Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng,; ly hôn chị **L** xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, anh **Lê Văn H** không có ý kiến gì, cho nên giao cả 03 con cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của các con, là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của chị **L** là hơi cao so với thực tế; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cả người làm cha, làm mẹ; tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con; cho nên cần buộc anh **Lê Văn H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị **L** mỗi người con khoảng 1.200.000 đồng tháng (03 con là 3.600.000 đồng) là hoàn toàn phù hợp với Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Chị **Trần Thị L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh **Lê Văn H** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị **Trần Thị L** được ly hôn anh **Lê Văn H**.

2. *Về trách nhiệm nuôi con*:

2.1. Giao cho chị **Trần Thị L** được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên là **Lê Văn T**, sinh ngày 17/10/2010; **Lê Thị Thu H1**, sinh ngày 08/01/2014 và **Lê Văn H2**, sinh ngày 26/6/2017.

Anh **Lê Văn H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị **Trần Thị L**, mỗi tháng 1.200.000 đồng (*Một triệu, hai trăm nghìn đồng*) cho mỗi người con; thời gian cấp dưỡng các con kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi.

2.2. Anh **Lê Văn H**, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về chia tài sản chung*: Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị **Trần Thị L**, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí xin ly hôn. Chị **Trần Thị L**, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011841, ngày 08/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Anh **Lê Văn H** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn và bị đơn, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã Hạnh Lâm
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn